

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-02-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiểu

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 201 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị BTT; cư trú tại: Số nhà 8B/118, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh TTH; ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 8B/118, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị BTT trình bày:

Chị BTT và anh TTH kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm,

cách sống. Năm 2010, anh TTH bỏ nhà đi đâu không rõ; chị BTT và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về anh TTH, không biết anh TTH ở đâu, làm gì. Năm 2018, chị BTT yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tuyên bố một người mất tích đối với anh TTH. Tại Quyết định số: 07/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018 về việc tuyên bố một người mất tích, Tòa án đã tuyên bố anh TTH mất tích. Nay chị BTT yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh TTH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là C, sinh ngày 15/3/2009, hiện đang sống cùng chị BTT từ khi anh TTH bỏ đi đến nay. Ly hôn, chị BTT có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh TTH mất tích, vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị BTT ly hôn anh TTH. Về con chung: Giao con C cho chị BTT nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị BTT phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị BTT kết hôn với anh TTH vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân giữa chị BTT và anh TTH là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống vợ chồng giữa các bên tuy không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, nhưng vào năm 2010 anh TTH đã bỏ nhà đi không về; chị BTT và gia đình đã tổ chức tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về anh TTH. Năm 2018, chị BTT yêu cầu Tòa án tuyên bố anh TTH mất tích. Tại Quyết định số: 07/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018 về việc tuyên bố một người mất tích, Tòa án tuyên bố anh TTH mất tích. Như vậy, giữa chị BTT và anh TTH đã không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Việc chị BTT yêu cầu ly hôn với anh TTH là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị BTT ly hôn anh TTH.

[3] Về con chung: Chị BTT và anh TTH có 01 con là C, sinh ngày 15/3/2009, hiện đang sống cùng chị BTT kể từ khi anh TTH bỏ đi đến nay. Ly hôn, chị BTT có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con C cho chị BTT nuôi dưỡng, cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; về việc cấp dưỡng nuôi con, chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong khi đó anh TTH mất tích và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con giữa các bên.

[4] Về tài sản chung: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị BTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị BTT ly hôn anh TTH.

2. Về con chung: Giao con C, sinh ngày 15/3/2009 cho chị BTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị BTT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008022, ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị BTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường A, quận B
(GCN kết hôn số 130, quyển số 01, ngày 10/01/2008);
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đinh Hữu Hường